

Thực trạng các chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương¹

Nguyễn Thị Thanh Hương^(*)

Trần Thị Luyến^(**)

Tóm tắt: Các nhóm xã hội dễ bị tổn thương là khái niệm dùng để chỉ các nhóm người có vị thế thấp hơn về chính trị, kinh tế hoặc xã hội so với đa số, khiến họ có nguy cơ cao hơn bị bỏ quên hay bị vi phạm quyền, lợi ích. Dựa trên nguồn dữ liệu thống kê của các bộ, ngành, nhóm nghiên cứu trình bày kết quả rà soát các bộ chỉ tiêu thống kê hiện hành có liên quan đến trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ, người dân tộc thiểu số; người nghèo và người khuyết tật để đánh giá thực trạng các chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương. Đây là một trong những bước cơ bản để nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương.

Từ khóa: Chỉ số, Chỉ tiêu, Hệ thống chỉ tiêu, Nhóm xã hội dễ bị tổn thương, Nhóm yếu thế, Việt Nam

Abstract: Vulnerable social groups refer to groups of people whose political, economic or social status is lower than the majority, putting them at greater risk of being neglected or having their rights and interests violated. Based on statistical data of ministries and sectors, the paper presents the results of reviewing the current sets of statistical indicators related to children, the elderly, women, ethnic minorities, the poor and people with disabilities to assess the set of indicators of protection of vulnerable social groups. This is one of the basic steps to research and build the set of indicators of protection of vulnerable social groups.

Keywords: Indicators, A set of Indicators, Vulnerable Social Group, Vietnam

Mở đầu

Với mục tiêu không để ai bị bỏ lại phía sau, trong những năm qua, Việt Nam đã

tăng cường và đẩy mạnh triển khai thực hiện các chính sách nhằm ưu tiên cho từng nhóm đối tượng dễ bị tổn thương². Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nỗ lực thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho các nhóm dễ bị tổn thương, hỗ trợ tìm kiếm việc làm, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, trợ giúp pháp lý,... nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các nhóm đối

¹ Đây là sản phẩm của nhiệm vụ cấp Bộ “Xây dựng Bộ chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương”, thuộc Chương trình trọng điểm cấp Bộ “Xây dựng bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia”, thực hiện giai đoạn 2021-2024, do TS. Nguyễn Thị Thanh Hương chủ nhiệm, Văn phòng Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì.

^(*) TS., Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: huongdrcc@gmail.com

^(**) ThS., Tổng cục Thống kê;

Email: ttuyen@gso.gov.vn

² Chẳng hạn như: Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020; Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2012-2020; Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020;...

tượng và bảo đảm mọi người dân đều có quyền bình đẳng hưởng thụ thành tựu kinh tế - xã hội của đất nước.

Dưới góc độ thống kê, hiện nay chưa có bộ chỉ tiêu thống kê riêng phản ánh nhóm đối tượng dễ bị tổn thương mà được lồng ghép trong hệ thống chỉ tiêu của các bộ, ngành có liên quan. Vì vậy, việc tìm kiếm thông tin thống kê để đánh giá về nhóm yếu thế gặp nhiều khó khăn; số liệu thống kê phân tán tại các bộ, ngành quản lý. Do đó, việc đánh giá thực trạng các chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương để đánh giá kết quả bảo vệ những nhóm yếu thế này là hết sức cần thiết.

1. Thực trạng các chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương trong hệ thống chỉ tiêu thống kê hiện hành

Bài viết tập trung rà soát và đánh giá thực trạng chỉ tiêu thống kê phản ánh các nhóm xã hội dễ bị tổn thương trong các bộ chỉ tiêu sau:

1.1. Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia¹

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia gồm 230 chỉ tiêu, trong đó có nhiều chỉ tiêu phản ánh trực tiếp hoặc gián tiếp đến các nhóm yếu thế, gồm:

a) Chỉ tiêu phản ánh trẻ em

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia có 14 chỉ tiêu theo dõi, đánh giá tình hình phát triển của trẻ, trong đó:

- 8 chỉ tiêu quy định cụ thể đối tượng trẻ em.

- 4 chỉ tiêu phản ánh gián tiếp về trẻ em qua phân tổ “nhóm tuổi”.

- 2 chỉ tiêu liên quan đến trẻ em.

Đa số những chỉ tiêu này phản ánh hiện trạng các vấn đề liên quan đến trẻ em, như: Sức khỏe, giáo dục, mức sống, lao động,... Số lượng chỉ tiêu hướng đến sự bảo vệ trẻ em rất ít, chỉ gồm 4 chỉ tiêu: Tỷ lệ người từ 05-17 tuổi tham gia lao động; Tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vaccine; Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng; Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều.

b) Chỉ tiêu phản ánh phụ nữ

Đối với những chỉ tiêu thống kê quốc gia liên quan đến con người, đều được phân tổ theo giới tính để theo dõi đánh giá vai trò của nam giới và nữ giới trong xã hội. Trong số 21 nhóm chỉ tiêu thống kê quốc gia có 01 nhóm chỉ tiêu đề cập đến bình đẳng giới (nhóm “02. Lao động, việc làm và bình đẳng giới”). Nhóm này có 4 chỉ tiêu theo dõi, giám sát tình hình tham chính của nữ giới tại Việt Nam, cụ thể: Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng; Tỷ lệ nữ đại biểu quốc hội; Tỷ lệ nữ đại biểu hội đồng nhân dân; Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

Ngoài những chỉ tiêu nêu trên, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia còn có 22 chỉ tiêu phản ánh phụ nữ qua phân tổ “giới tính”, trong đó có một số chỉ tiêu quan trọng như: Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức; Thu nhập bình quân một lao động đang làm việc; Tỷ lệ dân số bị bạo lực;... Tuy nhiên, những chỉ tiêu này đều phản ánh hiện trạng các vấn đề liên quan đến phụ nữ (lao động, y tế, giáo dục, mức sống,...) mà chưa đề cập đến sự bảo vệ cho nhóm đối tượng yếu thế này.

c) Chỉ tiêu phản ánh người nghèo

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia có một số chỉ tiêu phản ánh mức sống của

¹ Ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 01/2021/QH1 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12/11/2021. Do là chỉ tiêu thống kê quốc gia nên đa số các chỉ tiêu dưới đây đã có số liệu đầy đủ theo phân tổ và kỳ công bố như quy định. Những số liệu này được Tổng cục Thống kê công bố và phổ biến trong niên giám thống kê, kết quả các cuộc tổng điều tra và các ấn phẩm chuyên đề liên quan. Điều này giúp cung cấp dãy số liệu so sánh theo thời gian để có thể nhận diện được những vấn đề cần quan tâm của nhóm yếu thế.

người dân như: Tỷ lệ nghèo đa chiều; Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng; Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini);... trong đó, tỷ lệ nghèo đa chiều là chỉ tiêu liên quan đến đối tượng người nghèo trong danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia. Chỉ tiêu này phản ánh tỷ lệ hộ gia đình thiếu hụt về nhu cầu xã hội cơ bản từ đó kiến nghị Chính phủ có những chính sách phù hợp thúc đẩy giảm nghèo bền vững.

d) Chỉ tiêu phản ánh người khuyết tật

Tỷ lệ người khuyết tật là chỉ tiêu duy nhất phản ánh nhóm đối tượng người khuyết tật trong danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia. Người khuyết tật được xác định theo phương pháp tiếp cận dựa vào khung Phân loại quốc tế về thực hiện chức năng (ICF) của Tổ chức Y tế Thế giới, theo đó đánh giá khả năng và mức độ thực hiện các chức năng của cấu trúc cơ thể để từ đó đánh giá khuyết tật.

e) Chỉ tiêu phản ánh người cao tuổi

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia không có chỉ tiêu phản ánh trực tiếp về người cao tuổi mà biểu hiện thông qua phân tử “nhóm tuổi” của 26 chỉ tiêu. Tùy từng chỉ tiêu, có thể phân tử theo nhóm tuổi 60+ hoặc chi tiết theo từng nhóm nhỏ: 60-64, 65-69,...

f) Chỉ tiêu phản ánh người dân tộc thiểu số

Tương tự như nhóm người cao tuổi, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia không có chỉ tiêu phản ánh trực tiếp về người dân tộc thiểu số mà được phản ánh gián tiếp qua các chỉ tiêu có phân tử “dân tộc”. Tuy nhiên, những chỉ tiêu này chỉ được thực hiện khi có tổng điều tra dân số và nhà ở hoặc điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ, thường chia theo 2 nhóm chính gồm “Kinh/Khác”.

Có thể nhận thấy, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia đã đề cập đến các nhóm

đối tượng dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, phần lớn chỉ tiêu chỉ tập trung phản ánh hiện trạng các vấn đề liên quan đến nhóm này, số lượng chỉ tiêu mang tính bảo vệ nhóm yếu thế còn hạn chế. Nguyên nhân là do hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được thiết kế gồm các chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chung của cả nước và liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, do vậy không đi sâu phản ánh từng khía cạnh cụ thể của các nhóm yếu thế.

1.2. Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia¹

Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia gồm 78 chỉ tiêu. Bên cạnh việc phân tử chỉ tiêu theo giới tính làm cơ sở để đánh giá bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, bộ chỉ tiêu còn phản ánh bạo lực trên cơ sở giới qua 6 chỉ tiêu: Tỷ lệ phụ nữ từ 20-24 tuổi đã kết hôn hoặc sống chung như vợ chồng lần đầu trước 15 tuổi, trước 18 tuổi; Số nạn nhân của nạn mua bán người được phát hiện trên 100.000 dân; Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15 tuổi trở lên đã từng bị bạo lực bởi chồng hoặc bạn tình hiện tại hoặc trước đây trong 12 tháng qua; Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái từ 15 tuổi trở lên đã từng bị bạo lực tình dục bởi những người không phải chồng hoặc bạn tình trong 12 tháng qua; Tỷ lệ nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện, được tư vấn về tâm lý, pháp lý, được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình; Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

Mặc dù những chỉ tiêu nêu trên rất cần thiết trong việc phân tích, đánh giá thực trạng bình đẳng giới tại Việt Nam nhưng việc thu thập số liệu của những chỉ tiêu này

¹ Ban hành theo Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

rất hạn chế. Các chỉ tiêu không được thực hiện thường xuyên mà chủ yếu thu thập qua tổng điều tra dân số và nhà ở, điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ hoặc một số cuộc điều tra ngoài chương trình điều tra thống kê quốc gia.

1.3. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục¹

Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục và đào tạo có rất nhiều chỉ tiêu liên quan đến việc quản lý, giáo dục trẻ em từ nhà trẻ đến trung học cơ sở, trong đó: Nhóm chỉ tiêu nhà trẻ gồm 6 chỉ tiêu, mẫu giáo gồm 6 chỉ tiêu, bậc tiểu học có 10 chỉ tiêu và bậc trung học cơ sở quy định 8 chỉ tiêu.

Bên cạnh các chỉ tiêu đánh giá cơ sở vật chất và công tác quản lý của ngành giáo dục đối với học sinh, chỉ tiêu thống kê tập trung phản ánh số lượng học sinh đi học, số học sinh tốt nghiệp và tỷ lệ huy động trẻ đi học. Ngoài ra, nhiều chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục được phân tổ theo giới tính, dân tộc, khuyết tật, tình trạng suy dinh dưỡng và nhóm tuổi để cung cấp số liệu chi tiết về trẻ em trong các nhóm yếu thế nhằm bảo đảm sự tiếp cận công bằng trong giáo dục cho học sinh. Đặc biệt, bộ chỉ tiêu này còn quy định chỉ tiêu “Chỉ số bình đẳng giới trong giáo dục ở các cấp học” có ý nghĩa rất lớn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Chỉ tiêu này hướng đến mục tiêu thu hẹp khoảng cách giữa trẻ em trai và trẻ em gái trong tiếp cận giáo dục, tăng tỷ lệ biết chữ của trẻ em gái và phụ nữ dân tộc thiểu số ở những vùng khó khăn.

Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo đều công bố số liệu thống kê của ngành giáo dục theo niên giám thống kê. Tuy nhiên, số liệu trong niên giám này chưa bao gồm đầy đủ tất cả các chỉ tiêu được quy định trong hệ thống chỉ tiêu thống kê của ngành giáo dục.

¹ Quy định tại Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành y tế²

Trong số 70 chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành y tế có 12 chỉ tiêu liên quan đến các chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương. Đó là những chỉ tiêu phản ánh chăm sóc sức khỏe phụ nữ và trẻ em trước và sau sinh. Các chỉ tiêu này được thu thập, tổng hợp qua chế độ báo cáo thống kê của ngành y tế, do vậy, số liệu tương đối đầy đủ qua các năm. Qua đó, có thể đánh giá mức độ bao phủ và chất lượng chăm sóc sức khỏe phụ nữ trước và sau sinh cũng như sức khỏe của trẻ em tại địa phương hay toàn quốc.

Hàng năm, Bộ Y tế cập nhật và công bố số liệu thống kê ngành y tế trên trang thông tin điện tử của ngành, do đó, việc tiếp cận số liệu thống kê y tế tương đối đơn giản.

1.5. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành lao động - thương binh và xã hội³

Bảo trợ xã hội - giảm nghèo, trẻ em, bình đẳng giới là những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đối tượng yếu thế đã được phản ánh trong hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành lao động - thương binh và xã hội. Tuy nhiên không phải tất cả chỉ tiêu quy định trong 3 lĩnh vực này đều liên quan đến các chỉ số bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương. Trong phạm vi thực hiện, chỉ tiến hành rà soát các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội - giảm nghèo (9 chỉ tiêu) và lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ trẻ em (5 chỉ tiêu). Lĩnh vực bình đẳng giới chỉ gồm những chỉ tiêu về quản lý, điều hành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, không có chỉ tiêu liên quan đến phụ nữ, trẻ em gái nên không đề cập trong nội dung này.

² Ban hành theo Thông tư số 20/2019/TT-BYT ngày 31/7/2019 của Bộ Y tế.

³ Quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đối với các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành lao động - thương binh và xã hội, nguồn số liệu để thu thập, tính toán chỉ tiêu là chế độ báo cáo thống kê của ngành. Hằng năm, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thường xuyên cập nhật số liệu chỉ tiêu thống kê theo từng lĩnh vực và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ.

1.6. Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc¹

Ủy ban Dân tộc đã ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc gồm 110 chỉ tiêu liên quan đến người dân tộc thiểu số và quản lý nhà nước về công tác dân tộc. Nghiên cứu này chỉ thực hiện rà soát những chỉ tiêu liên quan đến người dân tộc thiểu số vì đây là một trong những đối tượng yếu thế cần được quan tâm, cụ thể:

- Nhóm chỉ tiêu dân số, gồm 7 chỉ tiêu phản ánh cơ cấu dân số, cơ cấu hộ, tuổi thọ bình quân của người dân tộc thiểu số,...

- Nhóm chỉ tiêu lao động, việc làm của người dân tộc thiểu số gồm 8 chỉ tiêu phản ánh nguồn lực lao động và khả năng tham gia thị trường lao động của người dân tộc thiểu số.

- Nhóm chỉ tiêu thu nhập và chi tiêu hộ dân tộc thiểu số gồm 2 chỉ tiêu phản ánh thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người một tháng của người dân tộc thiểu số.

- Nhóm chỉ tiêu về đói nghèo và an sinh xã hội gồm 10 chỉ tiêu phản ánh tình trạng nghèo đói của đồng bào dân tộc; người dân tộc thiểu số khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn; người dân tộc thiểu số di cư tự do, người du canh, du cư.

- Nhóm chỉ tiêu về an toàn xã hội và an ninh trật tự gồm 7 chỉ tiêu liên quan đến các vấn đề như nghiện ma túy, nhiễm HIV, tảo hôn, kết hôn cận huyết.

- Nhóm chỉ tiêu về văn hóa, xã hội người dân tộc thiểu số gồm 11 chỉ tiêu được sử dụng để thống kê những nội dung liên quan đến văn hóa của đồng bào dân tộc như: tình trạng biết đọc, biết viết, biết tiếng phổ thông (tiếng Việt); nhà văn hóa; lễ hội truyền thống;...

- Nhóm chỉ tiêu về tiếp cận giáo dục của người dân tộc thiểu số gồm 16 chỉ tiêu phản ánh cơ sở vật chất và sự tham gia vào hệ thống giáo dục của người dân tộc thiểu số.

- Nhóm chỉ tiêu về tiếp cận y tế của người dân tộc thiểu số gồm 17 chỉ tiêu theo dõi cơ sở, vật chất, trang thiết bị y tế; nhân lực y tế, việc tiếp cận y tế và chất lượng y tế của vùng dân tộc thiểu số.

- Nhóm chỉ tiêu về tiếp cận cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội của người dân tộc thiểu số gồm 17 chỉ tiêu nhằm theo dõi, đánh giá cơ sở hạ tầng kinh tế của người dân tộc thiểu số và điều kiện sống của người dân tộc thiểu số.

Số liệu của các chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu ngành dân tộc được thu thập qua Điều tra thu thập thông tin về hiện trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số và lồng ghép thu thập trong Tổng điều tra Dân số và Nhà ở. Những số liệu này được Ủy ban Dân tộc công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc.

1.7. Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam (VSDGI)²

Phần lớn các chỉ tiêu trong Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam phản ánh thực trạng cũng như sự bảo vệ các nhóm yếu thế trong xã hội, cụ thể:

- Chỉ tiêu về trẻ em gồm: Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng; Tỷ suất chết của trẻ em

¹ Ban hành theo Thông tư số 03/2019/TT-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban Dân tộc.

² Quy định cụ thể tại Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

dưới 5 tuổi; Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vaccine;....

- Chỉ tiêu về giới: Có 70 chỉ tiêu liên quan đến giới, trong đó 54 chỉ tiêu có phân tổ theo giới tính và 16 chỉ tiêu phản ánh trực tiếp đối tượng phụ nữ và trẻ em gái trong tên chỉ tiêu.

- Chỉ tiêu liên quan đến dân tộc thiểu số: Phân tổ “Dân tộc” của Bộ chỉ tiêu chỉ quy định 02 nhóm dân tộc gồm Kinh và Khác. Mặc dù thực tế cần nhiều số liệu về bà con dân tộc thiểu số nhưng với nguồn lực hiện tại, rất khó để tính toán số liệu cụ thể cho từng dân tộc. Số liệu về nhóm yếu thế này vẫn chủ yếu được khai thác qua Điều tra thu thập thông tin về hiện trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số và Tổng điều tra Dân số và Nhà ở.

- Chỉ tiêu liên quan đến người khuyết tật: VSDGI không quy định cụ thể tên chỉ tiêu về người khuyết tật trong danh mục chỉ tiêu nhưng nội dung của một số chỉ tiêu có phân tổ cho người khuyết tật, như: Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết chữ; Tỷ lệ dân số sống trong các nhà tạm;... Mặc dù quy định phân tổ như vậy nhưng hiện những chỉ tiêu này chưa có số liệu cho nhóm đối tượng người khuyết tật. Vì vậy, số liệu về nhóm yếu thế này vẫn được khai thác chủ yếu qua điều tra người khuyết tật do Tổng cục Thống kê thực hiện.

2. Nguồn số liệu của các chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương

Theo quy định của Luật Thống kê, nguồn số liệu để thu thập chỉ tiêu thống kê gồm: Điều tra thống kê, chế độ báo cáo thống kê và dữ liệu hành chính. Tuy nhiên, việc tiếp cận số liệu từ dữ liệu hành chính chưa được phổ biến mà thường thực hiện theo cách truyền thống là điều tra thống kê và chế độ báo cáo thống kê. Dưới đây là một vài nguồn số liệu đã được Tổng cục Thống kê và bộ, ngành thực hiện:

a) Điều tra thống kê

- Tổng điều tra dân số và nhà ở, điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ.

- Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình.

- Điều tra lao động và việc làm.

- Điều tra dinh dưỡng.

- Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam.

- Điều tra người khuyết tật.

- Điều tra sức khỏe phụ nữ và kinh nghiệm cuộc sống.

- Điều tra các mục tiêu phát triển trẻ em và phụ nữ Việt Nam.

- Điều tra thu thập thông tin về hiện trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số.

b) Chế độ báo cáo thống kê

Bên cạnh thu thập chỉ tiêu qua điều tra thống kê, việc lồng ghép thu thập số liệu qua chế độ báo cáo thống kê đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện từ nhiều năm nay.

Sau khi thực hiện điều tra thống kê, thu thập báo cáo thống kê, cơ quan chủ trì thực hiện tiến hành tổng hợp, biên soạn, công bố và phổ biến thông tin thống kê. Việc phổ biến thông tin thống kê được Tổng cục Thống kê và các bộ, ngành thực hiện trên trang thông tin điện tử và xuất bản các ấn phẩm như: Niên giám thống kê, kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở, kết quả điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ, kết quả điều tra lao động, việc làm, kết quả khảo sát mức sống dân cư,...

Ngoài ra, để có đánh giá, phân tích chuyên sâu theo từng lĩnh vực, Tổng cục Thống kê đã thực hiện những chuyên đề nghiên cứu riêng. Liên quan đến nhóm yếu thế, Tổng cục Thống kê đã ban hành một số ấn phẩm như: Thông tin thống kê giới tại Việt Nam; Người cao tuổi ở Việt Nam; Phân tích từ điều tra biến động dân số và kế

hoạch hóa gia đình năm 2021; Già hóa dân số và người cao tuổi ở Việt Nam;...

3. Đánh giá chung về thực trạng các chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương trong các bộ chỉ tiêu thống kê hiện hành

Quá trình rà soát chỉ tiêu liên quan đến đối tượng yếu thế tại các hệ thống chỉ tiêu thống kê liên quan, nhận thấy:

(1) Có sự trùng lặp chỉ tiêu giữa các hệ thống chỉ tiêu thống kê đã rà soát, như sau:

- Các chỉ tiêu: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi, tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi được quy định tại hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành y tế và bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam.

- Chỉ tiêu Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng được quy định tại hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam và bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia.

Nguyên nhân của sự trùng lặp do hệ thống chỉ tiêu quốc gia, bộ chỉ tiêu phát triển bền vững, bộ chỉ tiêu thống kê giới là những bộ chỉ tiêu đa ngành, đa lĩnh vực phản ánh tình hình kinh tế - xã hội của cả nước và đáp ứng yêu cầu thông tin của quốc tế. Chỉ tiêu từ các bộ chỉ tiêu này một phần được lấy từ hệ thống chỉ tiêu thống kê của từng bộ, ngành (thu thập thông tin theo từng ngành, lĩnh vực), một phần là chỉ tiêu mới do cơ quan xây dựng đề xuất để đáp ứng yêu cầu quản lý chung.

(2) Phần lớn chỉ tiêu phản ánh hiện trạng của các đối tượng về dân số, lao động, mức sống, các vấn đề liên quan đến y tế, giáo dục của nhóm yếu thế.

Hiện nay đang thiếu chỉ tiêu thống kê phản ánh các biện pháp hỗ trợ nhằm giúp các nhóm dễ bị tổn thương chống lại các tác động bất lợi, các cú sốc về kinh tế, xã hội đối với đời sống vật chất và tinh thần. Nguyên

nhân của sự thiếu hụt chỉ tiêu này do Chính phủ và các bộ, ngành chưa ban hành bộ chỉ tiêu thống kê riêng bảo vệ nhóm đối tượng dễ bị tổn thương. Các nhóm yếu thế được lồng ghép thu thập thông tin qua hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành. Những bộ chỉ tiêu này có mục đích chính là phục vụ chức năng quản lý nhà nước của từng bộ, ngành mà không đi sâu khai thác khía cạnh bảo vệ các nhóm yếu thế. Vì vậy, để có thông tin chuyên sâu bảo vệ cho từng đối tượng yếu thế trong xã hội, cần thiết phải xây dựng bộ chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương.

(3) Mặc dù đã được quy định trong các hệ thống chỉ tiêu thống kê nhưng số liệu của các chỉ tiêu phản ánh nhóm yếu thế còn hạn chế.

Phần lớn chỉ tiêu có số liệu là chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; với những bộ chỉ tiêu khác, số liệu thường không đầy đủ và không chi tiết theo phân tổ. Những chỉ tiêu đã có số liệu chủ yếu là chỉ tiêu đánh giá hiện trạng các nhóm yếu thế, có rất ít chỉ tiêu phản ánh tính bảo vệ nhóm đối tượng này.

(4) Nhóm người cao tuổi, người nghèo do không có bộ chỉ tiêu phản ánh riêng nên có rất ít chỉ tiêu. Những chỉ tiêu này được lồng ghép trong các bộ chỉ tiêu liên quan và thể hiện tại phân tổ “nhóm tuổi”.

(5) Chỉ tiêu nhóm yếu thế được thu thập chủ yếu qua điều tra thống kê, do đó số liệu chỉ tiêu phụ thuộc vào kỳ thực hiện điều tra. Một vài cuộc điều tra như: Điều tra các mục tiêu phát triển bền vững về phụ nữ và trẻ em, điều tra bạo lực đối với phụ nữ là những cuộc điều tra quan trọng thu thập thông tin liên quan đến trẻ em, phụ nữ nhưng không có trong chương trình điều tra thống kê quốc gia. Vì vậy, việc thực hiện những cuộc điều tra này rất khó khăn, phải dựa vào nguồn hỗ trợ

từ các tổ chức quốc tế. Điều tra người khuyết tật mặc dù đã được quy định trong chương trình điều tra thống kê quốc gia kỳ công thực hiện 10 năm, vì vậy rất khó có thể cập nhật số liệu một cách thường xuyên.

(6) Việc tiếp cận số liệu chỉ tiêu từ bộ, ngành còn khó khăn do không được cập nhật thường xuyên trên hệ thống thông tin điện tử của bộ, ngành. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế mặc dù đã có niên giám thống kê của ngành nhưng số liệu không bảo đảm theo thời gian và thường có độ trễ nhất định.

Kết luận

Bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương là việc làm quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Bởi khi dịch Covid-19 xảy ra đã làm phát sinh nhiều vấn đề xã hội liên quan đến sinh kế, nghèo đói, mất an ninh lương thực và phân biệt đối xử. Tác động của dịch bệnh đối với người nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật và các nhóm yếu thế khác là vô cùng nghiêm trọng. Do đó, Chính phủ cần có giải pháp, chính sách phù hợp để giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh, tăng cường công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, chăm lo cho người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con nhỏ, đảm bảo bình đẳng giới.

Bên cạnh việc ưu tiên thực hiện chính sách cho người yếu thế, việc nghiên cứu, xây dựng bộ chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương là việc làm cần thiết. Đây là công cụ để theo dõi, giám sát, đánh giá mức độ bảo vệ dành cho các nhóm yếu thế nói chung và cho từng nhóm yếu thế của quốc gia cũng như tại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Nghiên cứu này được thực hiện với mục đích rà soát thực trạng các chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương sẵn

có để làm cơ sở đề xuất chỉ tiêu cho từng nhóm yếu thế nhằm hoàn thiện bộ chỉ số bảo vệ các nhóm xã hội dễ bị tổn thương □

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 về Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục và Đào tạo.
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 về quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam.
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019), Thông tư số 10/2019/TT-BKHĐT ngày 30/7/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia.
5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018), Thông tư số 01/2018/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2018 về ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.
6. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2019), Thông tư số 15/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/11/2019 về quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.
7. Bộ Y tế (2019), Thông tư số 20/2019/TT-BYT ngày 31/7/2019 quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cơ bản ngành Y tế.
8. Bộ Y tế (2019), Thông tư số 37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 về quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Y tế.
9. Quốc hội (2021), Luật số 01/2021/QH15 ngày 12/11/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê.